TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/01/2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sơn Hải và bà Lâm Thị Vỹ.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên toà:* Bà lê Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc B, sinh năm 1974,
Địa chỉ: số nhà 100 đường TP, khối XT, phường CP, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.
- Bị đơn: Anh Lê Trung T, sinh năm 1974,
Địa chỉ: thôn LCB, xã DP, Duy Xuyên, Quảng Nam.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DV. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh T tính tình gia trưởng, thường xuyên xúc phạm, chửi thề với tôi, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống của tôi rất áp lực và mệt mỏi, tôi không chịu đựng thêm được nữa, đây là bản chất của chồng tôi, không bao giờ sửa đổi được, sự

việc đã kéo dài mấy chục năm rồi, tôi quá hiểu con người của chồng tôi, nói được mà không làm được. Do đó, tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên: Lê Võ Gia Hân, sinh ngày 08/8/2000, Lê Trung Nghĩa, sinh ngày 11/4/2005 và Lê Bảo Khanh, sinh ngày 14/5/2007. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu Khanh và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hai cháu Hân và Nghĩa đã trưởng thành, tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Trung T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như vợ tôi trình bày là đúng. Vợ chồng tự nguyện kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DV. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng cả, có nói qua nói lại bình thường thôi, không đến mức nghiêm trọng như vợ tôi trình bày. Con người ai cũng có cái sai hết không ai là hoàn hảo, nhiều lúc tôi bị áp lực bên ngoài, áp lực công việc về nên đã có những lời nói không đúng. Tôi từ trước đến nay là người làm kinh tế chính trong gia đình, vợ tôi mới đi làm đây, từ khi vợ tôi đi làm thì mới phát sinh chuyện này. Nếu vợ tôi chấp nhận lời xin lỗi của tôi, cho tôi sửa sai, tôi sẽ cố gắng vun đắp cho gia đình tôi. Nay vợ yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến con cái. Tôi xin lỗi vợ tôi, mong vợ tôi cho tôi cơ hội để sửa đổi, vun đắp cho vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên: Lê Võ Gia Hân, sinh ngày 08/8/2000, Lê Trung Nghĩa, sinh ngày 11/4/2005 và Lê Bảo Khanh, sinh ngày 14/5/2007. Nếu ly hôn, tôi đồng ý giao cháu Khanh cho vợ tôi nuôi, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Hai cháu Hân và Nghĩa đã trưởng thành, tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, cho bà B được ly hôn với ông T, về con chung: giao con chung tên Lê Bảo Khanh, sinh ngày 14/5/2007 cho chị Võ Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Võ Thị Ngọc B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Hai con chung tên Lê Võ Gia Hân, sinh ngày 08/8/2000 và Lê Trung Nghĩa, sinh ngày 11/4/2005 đã trưởng thành, chị B và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện, bản tự khai của bà B.

- Trích lục kết hôn (bản sao), Giấy khai sinh (bản sao), Căn cước công dân (bản sao), Đơn xin đề nghị xác nhận (bản chính), Đơn tường trình xin theo nguyện vọng (bản chính).

- Văn bản trình bày ý kiến của ông T.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

Về con chung: Các bên thống nhất giáo cháu Lê Bảo Khanh cho bà B nuôi dưỡng, bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:

Bà Võ Thị Ngọc B yêu cầu ly hôn. Ông Lê Trung T không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn là ông Lê Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Trung T là đúng pháp luật .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc B và ông Lê Trung T tự nguyện kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DV nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được các bên xác định là do ông T có những lời nói không đúng, thường xuyên xúc phạm, chửi thề với bà B. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì Bà B và ông T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Trung T không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không quan tâm đến nhau, phần ai nấy sống. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc.

Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy đã có căn cứ vi phạm nghiêm trong quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Ngọc B là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về giao con chung: Bà Võ Thị Ngọc B và ông Lê Trung T đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung tên Lê Võ Gia Hân, sinh ngày 08/8/2000, Lê Trung Nghĩa, sinh ngày 11/4/2005 và Lê Bảo Khanh, sinh ngày 14/5/2007. Hai cháu Lê Võ Gia Hân, sinh ngày 08/8/2000 và Lê Trung Nghĩa, sinh ngày 11/4/2005 đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, bà B có nguyện vọng được nuôi cháu Khanh và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Khanh hiện nay đang ở với bà B, cháu Khanh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, ông T thống nhất giao cháu Khanh cho bà B nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà B giao cháu Lê Bảo Khanh cho bà B nuôi dưỡng là phù hợp. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án bà Võ Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";* tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Ngọc B, cho bà Võ Thị Ngọc B được ly hôn với ông Lê Trung T.

2. Về giao con chung:

Giao con chung tên Lê Bảo Khanh, sinh ngày 14/5/2007 cho bà Võ Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Võ Thị Ngọc B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Hai con chung tên Lê Võ Gia Hân, sinh ngày 08/8/2000 và Lê Trung Nghĩa, sinh ngày 11/4/2005 đã trưởng thành, bà B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 . Về án phí: Án phí HNGĐ-ST số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Võ Thị Ngọc B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng

(*ba trăm nghìn đồng*) bà B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 2619 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên. Bà B đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/01/2024). Ông Lê Trung T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND Duy Xuyên;*
- *THADS Duy Xuyên;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã DV;*
- *Lưu: HS, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Quốc